CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CHÍ HÀO
ĐỊA CHỈ: 606/76/4 Quốc Lộ 13, KP4, P.Hiệp Bình Phước, Q.Thủ Đức, Tp.Hồ Chi Minh, Việt Nam
ĐIỆN THOẠI: 028 62675776
WEB: www.vuongquocson.vn

BẢNG GIÁ SƠN EPOXY

Bảo Giá Sơn Epoxy Jotun

Sản phẩm	Đóng gói	BL
SÀN EPOXY 2 TP		
Penguard Clear Sealer	20	129.203
Jotafloor Sealer	20	145.502
Jotafloor SF PR 150	20	243.576
Jotafloor SF PR 150 Comp B	5	560.304
Jotafloor Damp Bond	5	268.496
Jotafloor Damp Bond Comp B	1.67	593.263
Jotaguard 630 Grey	20	179.265
Jotaguard 630 Red	20	168.011
Jotaguard 630 comp B	4	159.972
Jotaguard 660 Grey	20	192.931
Jotaguard 660 Red	20	185.696
Jotaguard 660 comp B	5	155.953
Jotafloor Coat Ral 1013 (STD 908)	19.5	327.179
Jotafloor Coat Ral 6011	19.5	345.668
Jotafloor Coat Ral 6024	19.5	339.227
Jotafloor Coat Ral 7023	19.5	322.356
Jotafloor Coat Ral 7035	19.5	324.768
Jotafloor Coat Ral 9018	19.5	326.375
Jotafloor Coat STD 038 GREY	19.5	323.160
Jotafloor Coat Comp B40	6.5	626.223
Jotafloor Coating White	19.5	281.358
Jotafloor GF Green 137	20	295.828
Jotafloor GF Ral 1013	20	299.847
Jotafloor GF std403 grey	20	276.535
Jotafloor GF Green Ral 6001	20	315.121
Jotafloor GF Ral 7023	20	297.436
Jotafloor GF Ral 7035	20	302.259
Jotafloor GF std139	20	278.946
Jotafloor GF std5047	20	295.024
Jotafloor GF Ral 9010	20	324.768
Jotafloor GF std038 Grey	20	299.043
Jotafloor GF std049 Red	20	295.828
Jotafloor GF std071 Grey	20	299.043
Jotafloor GF std136 Grey	20	299.847
Jotafloor GF std414	20	297.436
Jotafloor GF std437 Green	20	306.278
Jotafloor GF Comp B	5	529.757
Jotafloor Sealer	20	145.502
Jotafloor Sealer, Comp B	4	240.360
Jotafloor SF Primer	19.5	311.102
Jotafloor SF Primer, B40	6.5	417.214
Jotafloor SL Uni, cpb 40	3.75	627.830
Jotafloor Nonslip Coarse	25	67.526
Jotafloor Nonslip Fine	25	66.722
Jotafloor Nonslip Medium	25	69.938
LÓT EPOXY HOẶC TRUNG GIAN		
Penguard Midc Mio80 Grey	20	187.304
Penguard Midcoat Mio80 Red	20	189.716
Penguard Midcoat Buff	20	140.679
Penguard Midcoat Grey	20	138.267
Penguard Midcoat Lt Red	20	138.267
Penguard Midcoat White	20	138.267
Penguard Midcoat Mio Grey	20	147.914
Penguard Midcoat Mio Lt Grey	20	154.345
Penguard Midcoat Mio Red	20	145.502
Penguard Midcoat, Comp B	4	318.336
Penguard Midcoat M20 Grey	20	131.821
Penguard Midcoat M20 Comp B	4	198.558

Bảo Giá Sơn Epoxy Joton

NHÓM	MÀU	CHỦNG LOẠI	TÊN SP	QUY CÁCH	GIÁ BL
SƠN EPOXY GỐC DẦU	Màu trắng: 00, nâu đỏ: 517, xám 156	sơn lót epoxy gốc dầu	JONES PRO	3KG	434.448
				4KG	5.796.000
				20KG	2.633.400
	Màu: 2015,2016, 2024,2026,2028,2033,2034, 2036,2085,2088,2089	Sơn phủ Epoxy gốc dầu	JONA EPO	3KG	599.319
				4KG	799.092
				20KG	3.631.320
	Màu: 2038,2039, 2054,2059,2080,2081,2082, 2086,2087	Sơn phủ Epoxy gốc dầu	JONA EPO	3KG	1.010.772
				4KG	1.347.696
				20KG	6.126.120
	Màu: 2040, 2041 và mã còn lại trong bảng màu	Sơn phủ Epoxy gốc dầu	JONA EPO	3KG	585.396
				4KG	780.570
				20KG	3.548.160
	Màu ghi xám (01), Nâu đỏ (517)	Sơn đệm epoxy gốc dầu	JONA INT	4KG	598.752
				20KG	2.721.600
	Màu trong suốt	Dung môi/ chất pha loãng sơn Epoxy	TN300	1L	88.200
				5L	441.441
				16L	1.284.192
SƠN EPOXY GỐC NƯỚC	Màu: 2019,2020, 2021,2026,2027,2032,2034,	Sơn phủ Epoxy gốc nước	JONA WEPO	6,5KG	1.128.960
				19,5KG	3.078.621
	Màu: 2012,2014,2015,2017,2036,	Sơn phủ Epoxy gốc nước	JONA WEPO	6,5KG	1.189.188
				19,5KG	3.243.240
	Màu: 2016, 2038, 2086, 2088	Sơn phủ Epoxy gốc nước	JONA WEPO	6,5KG	1.396.332
				19,5KG	3.808.350
	Màu: 2087	Sơn phủ Epoxy gốc nước	JONA WEPO	6,5KG	1.526.112
				19,5KG	4.162.158
	Màu: 2081	Sơn phủ Epoxy gốc nước	JONA WEPO	6,5KG	1.702.764
				19,5KG	4.643.730
	Màu: 2082	Sơn phủ Epoxy gốc nước	JONA WEPO	6,5KG	2.199.960
				19,5KG	6.000.120
SƠN EPOXY SÀN	Màu trong suốt	Sơn lót cho sơn Epoxy tự san phẳng	JONES CONC	4KG	970.641
				20KG	4.412.646
	Màu trong suốt	Sơn lót chịu ẩm cho sơn Epoxy tự san phẳng	JONES MORTAR	4KG	1.163.799
				20KG	4.760.595
	Màu trong suốt	Vữa đệm cho sơn Epoxy tự san phẳng	JONES MORTAR P	4KG	1.144.836
				20KG	2.175.894
SƠN EPOXY SÀN	Màu: 2013,2015,2036	Sơn Epoxy tự san phẳng	JONA LEVEL	3KG	599.130
				24KG	4.357.584
	Màu: 2020	Sơn Epoxy tự san phẳng	JONA LEVEL	3KG	665.280
				24KG	4.838.400
	Màu: J001, J010, J011, J012, J014, J016, J017, J018	Sơn Epoxy tự san phẳng màu ánh kim	JONA epo metallic	1kg	472.752
				2,8kg	1.323.252
				21kg	9.022.860
	Các bảng màu còn lại trong bảng màu Metallic	Sơn Epoxy tự san phẳng màu ánh kim	JONA epo metallic	1kg	480.312
				2,8kg	1.344.672
				21kg	9.168.390
	Màu trong suốt	Sơn epoxy tự san phẳng trong suốt	JONA EPO CLEAR	1kg	460.404
				3kg	1.381.212
				21kg	8.790.012

Báo Giá Sơn Epoxy Hải Âu

LOẠI SƠN	MÃ SỐ	LOẠI THÙNG 1 LÍT (VNĐ/LÍT)	LOẠI THÙNG 05 LÍT (VNĐ/LÍT)	LOẠI THÙNG 20 LÍT (VNĐ/LÍT)
		BÁN LẺ	BÁN LẺ	BÁN LẺ
Sơn Epoxy				
Sơn chống gỉ giàu kẽm	EP-1701	376.576	373.111	370.339
Sơn chống gỉ kẽm photphat	EP-2702	190.575	187.110	184.338
Sơn lót chống gỉ	EP-H706	237.699	234.234	231.462
Sơn chống gỉ nâu	EP-2502	163.825	160.360	157.588
Sơn chống gỉ vàng	EP-2605	179.903	176.438	173.666
Sơn chống xanh ngọc	EP-3250	195.149	191.684	188.912
Sơn phủ xanh cốm thạch	EP-3262	202.079	198.614	195.842
Sơn phủ xanh lá	EP-3275	202.079	198.614	195.842
Sơn phủ xanh dương	EP-3352	191.684	188.219	185.447
Sơn phủ xanh hòa bình	EP-3355	188.912	185.447	182.675
Sơn phủ xanh dương	EP-3380	194.317	190.852	188.080
Sơn phủ đen	EP-3450	185.308	181.843	179.071
Sơn phủ đỏ nâu	EP-3550	194.179	190.714	187.942
Sơn phủ đỏ	EP-3551	209.147	205.682	202.910
Sơn phủ hồng đơn	EP-3555	207.207	203.742	200.970
Sơn phủ hồng đơn	EP-3574	205.544	202.079	199.307
Sơn phủ vàng cam	EP-3653	212.058	208.593	205.821
Sơn phủ vàng	EP-3655	203.742	200.277	197.505
Sơn phủ vàng kem	EP-3669	200.277	196.812	194.040
Sơn phủ xám đậm	EP-3750	193.347	189.882	187.110
Sơn phủ xám sáng	EP-3752	193.347	189.882	187.110
Sơn phủ xám	EP-3761	193.347	189.882	187.110
Sơn phủ xám	EP-3763	193.347	189.882	187.110
Sơn phủ trắng	EP-3790	204.435	200.970	198.198
Sơn phủ nhũ bạc	EP-3950	188.219	184.754	181.982

Báo Giá Sơn Epoxy Rainbow

SẢN PHẨM	GIÁ BÁN LẺ	
	4L	18L
EPOXY TOPCOAT (EP-04) Sơn phủ Epoxy, đa màu (EP-04)	751.905	3.225.915
EPOXY TOPCOAT (EP-04)Sơn phủ Epoxy, màu1,2,8,15,16,18,19,85 (EP-04)	852.390	3.811.500
EPOXY PRIMER. WHITE Sơn lót Epoxy, màu trắng	599.445	2.522.520
EPOXY PUTTY Bột trét Epoxy	658.350	0
EPOXY TAR, HB (EP-06) Sơn Sơn Epoxy nhựa đường mới, màu nâu, màu đen (EP-06)	440.055	1.836.450
EPOXY PAINT THINNER (SP-12) Dung môi pha loãng	291.060	1.275.120
EPOXY ZINC RICH PRIMER (EP-03) Sơn lót bột kẽm Epoxy mới (EP-03) Bộ nhỏ:9.9kg, bộ lớn 29.7kg	1.801.800	0
EPOXY RED LEAD PRIMER (EP-01) Sơn lót Red Lead Epoxy mới (EP-01)	595.980	2.668.050
EPOXY RED OXIDE PRIMER (EP-02) Sơn Epoxy chống gỉ mới (EP-02)	530.838	2.286.900
EPOXY VARNISH Sơn Véc ni Epoxy mới	623.700	2.633.400
INORGANIC ZINC RICH PRIMER (IZ-01) Sơn lót bột kẽm vô cơ (IZ-01)	1.559.250	0
EPOXY ZINC RICH PRIMER THINNER (SP-13) Dung môi pha loãng cho sơn bột kẽm	304.920	1.302.840
SOLVENTLESS EPOXY COATING, CLEAR Sơn Epoxy trong suốt không dung môi mới	928.620	3.977.820
EPOXY TOPCOAT. SOLVENTLESS Sơn Epoxy phủ không dung môi (5kg)	904.365	3.717.945
EPOXY ANTI - STATIC COATING Sơn Epoxy phủ không dung môi, chống tĩnh điện mới (5kg)	1.025.640	4.158.000
EPOXY WATER TANK COATING, HB (EP-07) Sơn Epoxy dùng cho bể nước sạch mới, màng dày (EP-07)	727.650	3.253.635
EPOXY ALLOY PRIMER Sơn lót Epoxy dùng cho hợp kim #16 vàng chanh	582.120	2.529.450
CATHOZINC SHOP PRIMER, TYPE-2 (SP-09) Sơn lót lớp đầu bột kẽm vô cơ (SP-09)	0	0
EPOXY MORTAR Hỗn hợp nhựa & bột hỗ hằng cát Epoxy mới (3kg + 1kg =4kg , 20kg)	1.108.800	291.060
EPOXY NON - SKID PAINT Sơn chống trượt Epoxy (c/chính 3kg + c/đông cứng 1kg = 4kg ,cát 8kg)	1.108.800	116.424
EPOXY FIBER GLASS MULTILAYER COATING Sơn Epoxy sợi thủy tinh (c chính 3kg + c. đông cứng 1kg = 4kg)	1.108.800	0
EPOXY MORTAR PUTTY Bột trét Epoxy mới, lớp lót	0	0
EPOXY ZINC RICH PRIMER (EP-03AA) Sơn lót bột kẽm Epoxy mới (EP-03AA)	1.351.350	0
EPOXY SELF - LEVELING MORTAR Vữa san bằng Epoxy	3.853.080	691.268
WATER - BASED EPOXY CLEAR PRIMER/ SEALER Sơn lót trong suốt Epoxy gốc nước	782.397	3.357.585
WATER - BASED CATALYZED EPOXY TOPCOAT Sơn phủ Epoxy gốc nước, đa màu (không bao gồm loại sơn màu đỏ 6,18,19,23,25,54,64,93)	637.560	2.702.700
WATER - BASED CATALYZED EPOXY TOPCOAT Sơn phủ Epoxy gốc nước xanh lá #6	720.720	3.049.200
WATER - BASED CATALYZED EPOXY TOPCOAT Sơn phủ Epoxy gốc nước #54 xanh lam; 16,18,19 màu vàng; 93 mù tím	817.740	3.465.000
WATER - BASED CATALYZED EPOXY TOPCOAT Sơn phủ Epoxy gốc nước màu cam #23, 26	1.593.900	6.791.400
WATER - BASED FLOORING EPOXY TOPCOAT Sơn phủ Epoxy gốc nước # 6, 36	1.027.026	4.474.008
EPOXY M.I.O PRIMER (EP-20) Sơn lót chống gỉ lớp giữa M.I.O Epoxy mới (EP-20)	573.111	2.397.780
EPOXY TOPCOAT Sơn phủ Epoxy Màu Bạc	689.535	2.914.065
Sơn Epoxy lớp phủ ngoài, màu 6, 93 (EP-04)	751.905	3.362.783
Sơn Epoxy lớp phủ ngoài, màu 25, 64 (EP-04)	796.950	3.565.485
Sơn Epoxy lớp phủ ngoài, màu Z3 (EP-04)	1.039.500	4.404.015
EPOXY POTABLE WATER TANK LINING (IWWA K-135) Sơn Epoxy (xám, nâu) dùng trong bể nước uống	745.668	3.118.500
EPOXY MIDDLE COATING Sơn phủ lớp giữa Epoxy mới, màu xám, nâu	592.515	2.480.940
HIGH SOLIDS EPOXY COATING(EP-999H) Sơn Epoxy với thành phần chất rắn cao màu 36,26 (màu khác giá khác)	821.205	3.361.050
HIGH SOLIDS EPOXY COATING(EP-999H) Sơn Epoxy với thành phần chất rắn cao màu 18,23,25,64,47	942.480	3.866.940
HIGH SOLIDS EPOXY COATING (EP-999GF) Sơn Epoxy (EP-999GF) sợi thủy tinh với thành phần chất rắn cao, màu xám, nâu	900.900	3.728.340
EPOXY HIGH SOLIDS GLASS FLAKE COATING Sơn Epoxy sợi thủy với thành phần chất rắn cao, màu xám, nâu	984.060	4.033.260
EPOXY CLEAR CEMENT PRIMER Sơn lót trong suốt Epoxy mới	523.215	2.162.160
EPOXY GLASS FLAKE ABRASION RESISTANT PRIMER, Grey, Red Oxide Sơn Epoxy sợi thủy tinh chịu mài mòn, màu xám, nâu	641.025	2.713.095
EPOXY ALUMINUM TRIPOLYPHOSPHATE PRIMER Sơn lót chống gỉ Aluminum Tripolyphosphate Epoxy màu nâu	508.662	2.115.036
EPOXY ALUMINUM TRIPOLYPHOSPHATE PRIMER.white. zrev Sơn lót chống gỉ Aluminum Tripolyphosphate Epoxy màu trắng, xám	568.260	2.370.060
EPOXY ZINC PHOSPHATE PRIMER (EP-66) Sơn lót chống gỉ Zinc Phosphate Primer (EP-66), nâu xám	580.734	2.439.360
AMINE-CURED EPOXY ,HIGH-SOLID, WHITE & IVORY Sơn Epoxy thành phần chất rắn cao chịu dầu mỡ, màu trắng và trắng ngà	1.212.750	5.686.065
EPOXY CONDUCTING PRIMER Sơn lót Epoxy dẫn điện (chất chính: chất đông cứng = 5.7kg : 11.4kg)	897.435	3.388.770

Báo Giá Sơn Epoxy Kcc

TÊN SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH	GIÁ BÁN LẺ
SƠN EPOXY KCC CHO NỀN BÊ TÔNG			
024	Dung môi epoxy	20L	1.301.303
EP1183	Lót Epoxy cao cấp	16L	2.113.472
EP118/	Sơn Lót	16L	2.010.422
ET5660 -màu D40434 , D80680 , Ral 7035 , G473505 , 2290 ,1000 ,5445 ,9000	Sơn Phủ	16L	2.345.440
ET5660-3000/2210/2290	Sơn phủ - Vàng	16L	2.680.501
Unipoxy Lining- màu D40434, D80680, Ral7035	Sơn tự trải phẳng	16L	2.500.083
Unipoxy Lining-Pluss màu D40434, D80680 , R	Sơn tự trải phẳng Cao cấp	16L	2.680.501
Unipoxy Lining- 9000	Sơn tự trải phẳng	16L	2.912.469
ET5500 Kháng axit tự phẳng màu D40434 , D80680 ,Ral 7035, G473505	Chống axit TỰ phẳng	16L	3.041.339
unipoxy anti-static	Chống tĩnh điện	16L	9.794.141
Unipoxy Putty	Trám trét epoxy	9L	2.116.694
LÓT EPOXY GỐC NƯỚC	Supro Epoxy Primer	16L	3.000.100
LÓT EPOXY CHẤT RẮN CAO	Supro solvent free primer	16L	2.577.406
Korepox H2O -white base	Sơn epoxy gốc nước	5L	1.232.688
Korepox H2O -base b	Sơn epoxy gốc nước	4,5L	1.003.255
Korepox H2O -base c	Sơn epoxy gốc nước	6,55L	982.152
Sơn epoxy cho kẽm loại			
EZ176	Sơn lót giàu kẽm	20L	4.665.105
053	Dung môi epoxy	20L	1.301.303
EZ180(N)-1184(HS)	Sơn lót Kẽm Silicate	13,5L	3.675.220
0608	Dung môi epoxy giàu kẽm	20L	1.301.303
EP1760	Sơn lót giàu kẽm	16L	2.319.665
EP170(QD)	Sơn lót epoxy chống rỉ	18L	2.493.640
EHZ351-1120 , 2260 , ral 5012 ,1000 ,1999	Epoxy 2 trong 1 phủ trong nhà	16L	2.371.213
ET5740-1000,4440,5445,2260	Sơn epoxy phủ trong nhà/ngoà	16L	2.577.406
EH6270	Sơn epoxy phủ lớp đệm	18L	2.667.615
EH415B-(H)	Sơn epoxy Mastic sắt thép	16L	2.474.310
UT6581-1000 ,1999, ral 7035 ,D40434,5775	Sơn phủ Urethane	16L	3.144.435
UT6581 -VÀNG 3000 ,Đỏ cam Ral 3000	Sơn phủ Urethane	16L	3.608.368
EP174 (T)	Sơn chống axit KL (A:1:2,B:4	16L	3.247.532

Báo Giá Sơn Epoxy Ápt

TÊN HÀNG	ĐÓNG GÓI	GIÁ BÁN LẺ
SON EPOXY COATING KERASEAL **ADO20** (Hệ thống phủ epoxy gốc dung môi)	18KG/BỘ	2.841.300
SON EPOXY COATING KERASEAL **ADO20** - CLEAR (Hệ thống phủ epoxy gốc dung môi)	18KG/BỘ	3.409.560
SON KERASEAL **ADO30** (Hệ thống son tự san phẳng epoxy gốc dầu)	23KG/BỘ	3.257.100
SON EPOXY tự cân bằng KERASEAL **ADO40**-tonoeat (Hệ thống phủ epoxy tự cân bằng)	23KG/BỘ	3.672.900
SON EPOXY tự cân bằng KERASEAL **ADO40**-baceoat (Hệ thống phủ epoxy tự cân bằng)	23KG/BỘ	3.672.900
SON EPOXY tự cân bằng KERASEAL **ADO40**-clear (Hệ thống phủ epoxy tự cân bằng) TRONG SUỐT	23KG/BỘ	4.407.480
SON EPOXY lăn và tự cân bằng KERASEAL **ADO122**-clear (Hệ thống phủ epoxy lưỡng tính)	22KG/BỘ	3.714.480
KERASEAL **ADO121** (Epoxy coating Solventbased free)	18KG/BỘ	2.979.900
Prime **PS60** (Sơn lót gốc dầu)	9KG/BỘ	1.538.460
Prime **PS50** (Sơn lót gốc dầu)	9KG/BỘ	1.455.300
Prime **WB50** (Sơn lót gốc nước)	12KG/BỘ	2.210.670
SON EPOXY COATING KERASEAL **WB10** (Hệ thống phủ Epoxy gốc nước)	18KG/BỘ	3.229.380
SON EPOXY COATING KERASEAL **WB20** (Hệ thống phủ Epoxy gốc nước)	15KG/BỘ	2.841.300
SON EPOXY COATING KERASEAL **WB20** màu CLEAR (Hệ thống phủ Epoxy gốc nước) TRONG SUỐT	15KG/BỘ	3.118.500
SON EPOXY tự cân bằng KERASEAL **WB40** (Hệ thống phủ epoxy gốc nước)	20KG/BỘ	3.284.820
SON KERASEAL **WB50** (Hệ thống son lót epoxy gốc nước)	12KG/BỘ	2.148.300
KERACRETE **NS50** (Hệ thống keo Epoxy trám vá bề mặt bai thành phần không co ngót)	5KG/BỘ	817.740
KERAGUARD **ADG 20** (Sơn chống ăn mòn, Ba cực tím)	18KG/BỘ	3.624.390
CÁT SL SAND Cát trộn với son	25KG/BAO	346.500

Báo Giá Sơn Epoxy Nippon

	Product Name	CÔNG DỤNG	Packing	GIÁ BÁN LẺ
EPOXY PRIMER				
1	**Nippon EA-9 Red Oxide Primer(Nippon Paint EA9 RED OXIDE PRIMER)** Sơn lót cho kim loại	là loại sơn dầu gốc amin-expoxy, hai thành phần, có độ bóng thấp. Là loại sơn lót để bảo vệ lâu dài cho nhiều loại bề mặt như: Nhôm, thép, bề mặt mạ kẽm thủy tinh gia cố bằng nhựa và tấm nhựa phenolic trong môi trường ăn mòn. EA9 RED OXIDE PRIMER được sử dụng rộng rãi để bảo vệ khỏi sự ăn mòn lâu dài cho các bề mặt kim loại chứa sắt và không chứa sắt trong các công trình dân dụng, trong ngành xây dựng và cũng được sử dụng như hệ thống sơn bên trong cho bồn chứa các dẫn xuất	5L & 20L/Set	128.000
2	**Nippon EA-9 White Primer**	Nippon Paint EA9 WHITE PRIMER là loại sơn dầu gốc amin-expoxy, hai thành phần, có độ bóng thấp, được sử dụng để bảo vệ lâu dài cho nhiều loại bề mặt như: Nhôm, thép, bề mặt mạ kẽm và bê tông trong môi trường ăn mòn. EA9 WHITE PRIMER được sử dụng như lớp giữa hoặc lớp cuối bên trong cho bồn chứa các dẫn xuất từ dầu cọ, dầu thực vật, nước…	5L & 20L/Set	156.000
3	Nippon Zinc Phosphate Blast Primer (redish / grey)	Nippon Paint ZINC PHOSPHATE BLAST PRIMER là loại sơn lót, hai thành phần, gốc amin-expoxy, với công thức chống thấm ăn mòn chứa phosphate kẽm, ZINC PHOSPHATE BLAST PRIMER thường sử dụng kèm với lớp phủ là Nippon Paint EA4 hoặc Nippon EA9 hoặc Nippon PU trong môi trường ăn mòn.	5L & 20L/Set	158.000
4	Nippon Zinc Rich Primer		5L & 20L/Set	323.000
HEAT RESISTING PRIMER & HEAT RESISTING				
Nippon S500 Heat Resisting Primer Sơn lót chịu nhiệt	Là loại sơn dầu gốc Silicone với thành phần chống ăn mòn là bột	5L & 20L	618.000	
Ninnon S 450 Heat Resistine Black Sơn chịu nhiệt	Là loại sơn dầu gốc silicone, có thể chịu được nhiệt độ đến 450oC. NIPPON S450 HEAT	5L & 20L	510.000	
Nippon Heat Resisting Aluminium Sơn chịu nhiệt	Là loại sơn dầu gốc silicone, có thể chịu được nhiệt độ đến 600oC. NIPPON HEAT	5L & 20L	608.000	
Nippon S350 Heat Resisting AL		5L & 20L	370.000	
INTERMEDIATE / UNDERCOAT				
Nippon PU Undercoat White ***Sơn giữa***	Nippon Paint PU UNDERCOAT WHITE là loại sơn dầu gốc Polyurethane, hai thành phần dựa trên phản ứng giữa acrylic và isocyanate, được sử dụng làm lớp sơn giữa cho các bề mặt nội thất và ngoại thất như: Kim loại chứa sắt và không chứa sắt, gỗ, nhựa, tường trát vữa, bê tông đã có sơn lót Nippon Paint PU UNDERCOAT WHITE là loại sơn dầu gốc Polyurethane, hai thành phần dựa trên phản ứng giữa acrylic và isocyanate, được sử dụng làm lớp sơn giữa cho các bề mặt nội thất và ngoại thất như: Kim loại chứa sắt và không chứa sắt, gỗ, nhựa, tường trát vữa, bê tông, đã có sơn lót.	5L & 20L/Set	147.000	
Nippon Epoxy MIO Chống ăn mòn cho thép	Nippon Paint EPOXY MIO là loại sơn dầu công nghiệp gốc epoxy, hai thành phần, chứa oxit sắt dạng mica, được sử dụng để đắp ống khi có yêu cầu cao về chống ăn mòn cho các bề mặt thép. Khi EPOXY MIO được sử dụng trên các bề mặt thép đã nền kết hợp với loại sơn lót phù hợp	5L & 20L/Set	138.000	
COAL TAR EPOXY / HEAT RESISTANCE				
Nippon Epotar HB 1226 Blk (NIPPON 1226 EPOTAR HB BLACK) Sơn công nghiệp	là loại sơn dầu, hai thành phần, gốc Epoxy hắc ín, với hàm lượng rắn cao nên có thể đạt đến 350 micron hoặc thậm chí có thể dày hơn chỉ với 1 lớp sơn. Loại sơn này được sử dụng cho môi trường hình thường và môi trường ngâm nước mà đòi hỏi đặc tính bảo vệ vượt trội như chịu được nước ngọt và nước mặn, chịu được sự mài mòn và sự sũng bẩn của các hóa chất ăn mòn Những khu vực thích hợp cho NIPPON 1226 EPOTAR HB BLACK là các công trình ngoài biển, cục ống, đáy tàu, bể dần, trạm xử lý nước thải …	5L & 20L/Set	166.000	

EPOXY FINISHING				
Nippon EA 4 Sơn phủ công nghiệp		Nippon Paint EA4 là loại sơn gốc dầu admin-epoxy, hai thành phần, có độ bóng cao, được sử dụng khi có yêu cầu về khả năng chịu hóa chất, dầu và chịu mài mòn, cho nhiều loại bề mặt như: thép, bê tông, tường trát vữa, tường gạch, và hầu hết các loại bề mặt trong xây dựng. NIPPON EA4 được đề nghị dùng trong môi trường		
2026		5L & 20L/Set	295.000	
2025		5L & 20L/Set	196.000	
2012 / 2037		5L & 20L/Set	165.000	
2022 / 2038 / 2039 / 2048		5L & 20L/Set	157.000	
2014 / 2015 / 2021 / 2031 / 2035 / 2036 / 2041 / 2027 / 2047		5L & 20L/Set	149.000	
Other colour as per colour card / White / Black		5L & 20L/Set	147.000	
Nippon EP4 Clear Sealer sơn lót công nghiệp	loại sơn dầu gốc Polyamide-Expoxy, hai thành phần, màng sơn có độ bóng cao, được sử dụng cho các loại bề mặt như bê tông, tường trát vữa, tường gạch, và hầu hết các loại bề mặt trong xây dựng. NIPPON EP4 CLEAR SEALER được đề nghị dùng trong môi trường khô ráo.	5L & 20L/Set	109.000	
Nippon EA9 (Pastel colour only) Sơn phủ công nghiệp	Nippon Paint EA9 là loại sơn dầu gốc amin-expoxy, hai thành phần, có độ bóng thấp, được sử dụng để bảo vệ lâu dài cho nhiều loại bề mặt như: Nhôm, thép, bề mặt mạ kẽm và bê tông trong môi trường ăn mòn. Đặc biệt, Nippon Paint EA9 được sử dụng như lớp sơn cuối bên trong cho bồn chứa các dẫn xuất từ dầu cọ, dầu thực vật, nước... Loại chống trượt sẽ được đáp ứng theo yêu cầu.	5L & 20L/Set	122.000	